

Số: 11 /2019/NQ-HĐND

Long An, ngày 06 tháng 12 năm 2019

### NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 17

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20/11/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của UBTVQH13 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị;*

*Xét Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 26/11/2019 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 863/BC-HĐND ngày 02/12/2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An được ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An.

*(Đính kèm Quy định)*

Các nội dung còn lại áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh về một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 06/12/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020./.

**Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VP. QH; VP. CP (TP. HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài Chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh;UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng (Phòng CT. HĐND tỉnh – 2b);
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT. (15)

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Rạng**

**QUY ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Long An tại Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của HĐND tỉnh (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Long An)

**Điều 1. Sửa đổi một số nội dung chi tại khoản 3 Điều 4: Chi bồi dưỡng cho đại biểu HĐND kiêm nhiệm**

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi
	Cấp Xã
Thường trực HĐND kiêm nhiệm (đại biểu/tháng)	350.000
Trưởng, Phó Ban HĐND kiêm nhiệm (đại biểu/tháng)	300.000

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung chi tại khoản 5, Điều 4: Chi cho các kỳ họp HĐND, các phiên họp do Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân triệu tập**

1. Chi cho các kỳ họp HĐND

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ tọa kỳ họp (đồng/người/ngày)	200.000	150.000	130.000
Đại biểu, khách mời tham dự kỳ họp (đồng/người/ngày)	150.000	120.000	90.000
Thư ký kỳ họp (đồng/người/ngày)	150.000	120.000	90.000
Tổng hợp ý kiến cử tri trình kỳ họp và tổng hợp ý kiến cử tri sau kỳ họp (đồng/1 báo cáo)	600.000	450.000	300.000
Tổng hợp ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp (đồng/1 báo cáo).	600.000	400.000	300.000
Tổ trưởng và thư ký tổ thảo luận tại kỳ họp (người/ngày).	100.000	80.000	70.000
Xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết do Thường trực HĐND trình (đồng/1 nội dung)	500.000	350.000	250.000
Rà soát, hoàn thiện Nghị quyết (đồng/1 nghị quyết)	200.000	120.000	60.000
Soạn các bài phát biểu khai mạc, bế mạc; chương trình kỳ họp; đề cương tiếp xúc cử tri; gợi ý thảo luận Tổ; tổng hợp nội dung chất vấn; chương trình phiên chất vấn; kết luận phiên chất vấn; biên bản kỳ họp; thông báo kết quả kỳ họp; các văn bản, báo cáo còn lại có liên quan đến kỳ họp (đồng/1 văn bản).	300.000	200.000	100.000

2. Chi các phiên họp, cuộc họp do Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân triệu tập (không bao gồm hoạt động thẩm tra của các Ban HĐND):

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp (đồng/người/cuộc)	100.000	80.000	60.000
Thành viên tham dự cuộc họp (đồng/người/cuộc)	80.000	60.000	50.000

3. Chi các cuộc họp thẩm tra các nội dung trình tại kỳ họp và các vấn đề trình giữa hai kỳ họp:

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp (đồng/người/cuộc)	120.000	100.000	80.000
Các thành viên dự họp (đồng/người/cuộc) + Đại biểu HĐND + Khách mời và cán bộ phục vụ	100.000 80.000	80.000 60.000	60.000
Soạn thảo báo cáo thẩm tra phục vụ kỳ họp (đồng/1 báo cáo)	500.000	400.000	200.000
Soạn thảo báo cáo thẩm tra và văn bản cho ý kiến của Thường trực đối với các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (đồng/01 vấn đề).	300.000	200.000	100.000

4. Chi họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (tỉnh và huyện), chi hoạt động tiếp xúc cử tri

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
- Đại biểu dự họp Tổ Đại biểu HĐND trước, sau và giữa hai kỳ họp (đồng/ người/ cuộc): + Đại biểu HĐND (đồng/người/cuộc) + Đại biểu còn lại (đồng/người/cuộc)	100.000 80.000	80.000 60.000	
- Chi cho đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ tiếp xúc cử tri (đồng/người/cuộc) + Đại biểu HĐND + Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ (đồng/người/cuộc)	100.000 80.000 (không quá 15 người)	80.000 60.000 (không quá 15 người)	60.000 50.000 (không quá 15 người)
Báo cáo kết quả thảo luận của Tổ đại biểu; báo cáo kết quả TXCT của Tổ (đồng/01 báo cáo/tổ)	100.000	80.000	60.000

5. Chi hỗ trợ cho hoạt động khảo sát, giám sát của Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Trưởng đoàn khảo sát, giám sát (đồng/người/cuộc)	120.000	100.000	80.000
Đại biểu HĐND (đồng/người/cuộc)	100.000	80.000	60.000
Các đại biểu theo thư mời (đồng/người/cuộc)	80.000	60.000	50.000
Cán bộ phục vụ giám sát, khảo sát (đồng/người/cuộc)	80.000	60.000	50.000
Xây dựng nội dung khảo sát, giám sát (bao gồm chuyên đề và thường xuyên) (đồng/01 nội dung)	500.000	400.000	200.000
Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, giám sát (đồng/báo cáo)	500.000	400.000	200.000

**Điều 3. Sửa đổi một số nội dung chi tại khoản 6 Điều 4: Chi tổ chức Tiếp công dân của Đại biểu Hội đồng nhân dân**

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ đại biểu HĐND tiếp công dân (đồng/người/ngày)	80.000	60.000	50.000

**Điều 4. Điều chỉnh một số nội dung chi tại điểm 8.1 và điểm 8.2 của khoản 8 Điều 4: Chi cho công tác xã hội**

1. Chi hỗ trợ cho thăm hỏi, đám tang: Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện cho đại biểu Hội đồng nhân dân.

*ĐVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Đại biểu HĐND đau ốm nằm viện được chi thăm hỏi không quá 2 lần/năm theo mức chi: đồng/đại biểu/lần	1.000.000	800.000	600.000

2. Thường trực HĐND tổ chức thăm hỏi đối tượng chính sách nhân dịp lễ, Tết (1 lần/năm).

*DVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Cá nhân gia đình chính sách (đồng/người)	1.000.000	800.000	600.000

**Điều 5. Điều chỉnh một số nội dung chi tại khoản 9 Điều 4: Chi hoạt động chất vấn do Thường trực HĐND tổ chức**

1. Điều chỉnh bỏ nội dung chi “Trực tiếp tham gia phiên chất vấn (người/cuộc)” được quy định tại khoản 9 Điều 4 “Chi hoạt động chất vấn do Thường trực HĐND tổ chức”.

2. Chi cho đại biểu tham dự phiên chất vấn và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ:

- Cấp tỉnh là 80.000 đồng/người/ngày.
- Cấp huyện: 60.000 đồng/người/ngày.
- Cấp xã: 50.000 đồng/người/ngày.

**Điều 6. Bổ sung nội dung chi khác**

Chi viết các bài phát biểu của lãnh đạo tại các hội nghị của Thường trực, các Ban của HĐND

*DVT: đồng*

Nội dung chi	Mức chi		
	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Các bài phát biểu (khai mạc, tham luận, báo cáo đề dẫn, bế mạc, thông báo kết quả hội nghị) (đồng/1 văn bản)	300.000	200.000	100.000

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Rạng**